

TÀI LIỆU HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN 9

TUẦN 8 (25 – 31 /10)

18	ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ tiếp theo	1	Tuần 8
19	TIẾT HỌC Ở THƯ VIỆN 1 CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG PHẦN VĂN(Khuyến khích hs tự làm)	1	Tuần 8
20	ĐỒNG CHÍ	2	Tuần 8 (ĐIỀU CHỈNH TỪ TUẦN 9)
23	NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ	1	Tuần 8 (ĐIỀU CHỈNH TỪ TUẦN 9)
CHUẨN BỊ	KIỂM TRA GIỮA KÌ		(thực hiện ở tuần 9)

Tiết 36 : ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ I
(Tiếp theo)

A. Nội dung ôn tập :

B. Hướng dẫn học tập :

1. Vẽ sơ đồ tư duy kiến thức từng đơn vị bài học
2. Học thuộc lòng thơ và câu văn quan trọng trong văn bản (dẫn chứng)
3. Hoàn thành – chấm chữa bài tập Phiếu học tập 3,4,5,6,7
4. Tóm tắt các văn bản truyện trung đại.
5. Nêu giá trị nội dung – nghệ thuật của văn bản.

C. ÔN TẬP ĐỀ CƯƠNG KIỂM TRA VĂN

RÈN KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU (HS TỰ LÀM)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:(biểu điểm : 5)

“...Trong xã hội Truyện Kiều, đồng tiền đã thành một sức mạnh tác quái rất ghê. Nguyễn Du không phải không phải nhắc đến tác dụng tốt của đồng tiền. Có tiền, Thúc Sinh, Từ Hải mới chuộc được Kiều, Kiều mới cứu được cha và sau này báo ơn cho người này, người nọ. Đó là những khi đồng tiền nằm trong tay người tốt. Nhưng chủ yếu Nguyễn Du vẫn nhìn về mặt tác hại. Vì Nguyễn Du thấy rõ cả một loạt hành động gian ác bất chính đều là do đồng tiền chi phối. Quan lại vì tiền mà bất chấp công lý; sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông; Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán

người; Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm; Khuyển, Ưng vì tiền mà làm những điều đại ác. Cả một xã hội chạy theo tiền...”

(Trích Hoài Thanh toàn tập, tập II)

Câu 1: (0,5 điểm): Tìm hai từ thuộc trường từ vựng chỉ tính cách trong đoạn trích.

Câu 2: (0,5 điểm): Từ *chạy* trong câu “Cả một xã hội chạy theo tiền.” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển ? Nếu là nghĩa chuyển thì chuyển theo phương thức nào?

Câu 3: (1,0 điểm): Chỉ ra một phép tu từ được sử dụng trong câu văn sau “Quan lại vì tiền mà bất chấp công lý; sai nha vì tiền mà tra tấn cha con Vương Ông; Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh vì tiền mà làm nghề buôn thịt bán người; Sở Khanh vì tiền mà táng tận lương tâm; Khuyển, Ưng vì tiền mà làm những điều đại ác.”. Nêu tác dụng của phép tu từ đó.

Câu 4: (1,0 điểm): Xác định nội dung đoạn trích. Nội dung đó đề cập đến giá trị nào trong *Truyện Kiều* (Nguyễn Du)?

Câu 5: (2,0 điểm): Viết một đoạn văn từ 5 đến 7 câu nêu suy nghĩ của em về vai trò của đồng tiền đối với cuộc sống của em và cho biết bản thân em sử dụng những đồng tiền được ba mẹ hoặc người thân cho như thế nào?

Tiết 37 : CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG - ĐỌC SÁCH **HS tự nghiên cứu SGK/122**

I. Một số tác giả, tác phẩm văn học ở Nam bộ

- Nguyễn Đình Chiểu
- Nguyễn Ngọc Tư
- Anh Đức.
- Nguyễn Nhật Ánh...

II. Nguyễn Đình Chiểu và một số tác phẩm tiêu biểu

- Lục Vân Tiên
- Ngụ tiếu y thuật vấn đáp
- Dương từ Hà Mậu
- Chạy tây
- Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc....

II. Đọc thêm :

Truyện Lục Vân Tiên là tác phẩm Nguyễn Đình Chiểu viết trước khi Pháp xâm lược đất nước, nhằm tuyên truyền đạo lí:

“ Trai thì trung hiếu làm đầu,
Gái thì tiết hạnh là câu trau mình.”

Nhưng bằng một cảm hứng mãnh liệt, một năng lực sáng tạo nghệ thuật không nhỏ, qua hình thức kể chuyện bằng văn vần (truyện thơ), đã trở thành khúc ca chiến đấu và chiến thắng của chính nghĩa, của đạo lí nhân dân với nhiều hình tượng nghệ thuật đẹp trong văn chương. Tác phẩm Lục Vân Tiên là bản án kết tội những kẻ bất nhân phi nghĩa: Gia đình Võ Công lật lọng tàn bạo với chàng rể tương lai họ Lục đáng thương; viên Thái sư hiểm ác, chơi trò không ăn được đập đổ trên thân phận cô gái họ Kiều; Trịnh Hâm đồ kị, phản trắc, phạm tội giết người; Bùi Kiệm không nghĩa không tình muốn tranh giành người vợ tương lai của bạn.

Tác phẩm Lục Vân Tiên đã được thử thách qua thời gian. Nó có sức sống lớn trong mọi tầng lớp người Việt Nam xưa và nay, đặc biệt là người dân Nam Bộ. Tác phẩm và nhiều chi tiết, hình tượng của tác phẩm thực tế đã là nguồn cảm hứng sáng tạo nghệ thuật của một số loại hình nghệ thuật khác.

Tiết 38 - 39 : ĐỒNG CHÍ

Chính Hữu

I. Tìm hiểu chung

I. Tìm hiểu chung.

1. Tác giả

Chính Hữu chủ yếu sáng tác về những người chiến sĩ quân đội- những người đồng đội của ông trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ.

2. Tác phẩm

Bài thơ Đồng Chí ra đời năm 1948 – những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp

3. Bố cục

- 7 câu thơ đầu : Cơ sở của tình đồng chí
- 10 câu tiếp theo :Biểu hiện của tình đồng chí
- 3 câu cuối: vẻ đẹp của hình tượng người lính

II. Đọc-hiểu văn bản

1. Cơ sở hình thành nên tình đồng chí cao đẹp

- Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.

→ Câu thơ sóng đôi, đối xứng, thành ngữ.

→ Tương đồng về cảnh ngộ xuất thân, đều là những người nông dân nghèo từ những miền quê “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá”.

- Súng bên súng, đầu sát bên đầu

→ Nghệ thuật đối; hình ảnh thơ chân thực, hoán dụ.

→ **Cùng chung nhiệm vụ, chung lí tưởng**

- Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ,

→ Hình ảnh chân thực.

→ **Chung chiến hào, chiến tuyến, cùng gắn bó trong cuộc sống sinh hoạt quân ngũ.**

- Câu thơ thứ bảy có cấu tạo và ý nghĩa đặc biệt : Đồng chí!

2. Những biểu hiện của tình đồng chí :

- *Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

→ Hình ảnh chân thực, từ ngữ gợi tả

→ Họ cùng cảm thông nỗi lòng là những người dân quê bỏ lại ruộng vườn, nhà cửa, gia đình, quê hương lên đường đánh giặc.

- *Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi

→ Từ ngữ gợi cảm, hình ảnh chân thực

→ Họ sẽ chia những đau đớn mệt mỏi về thể xác lúc ốm đau, bệnh tật tại chiến trường (**Nơi hoạt động là rừng Việt Bắc, thiên nhiên, thời tiết khắc nghiệt**)

- *Áo anh rách vai*

Quần tôi có vài mảnh vá

[...]

Chân không giày

→ Hình ảnh chân thực, câu thơ sóng đôi, đối xứng

→ Họ sẽ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính.

→ **Sức mạnh lớn lao, bền chặt, keo sơn của tình đồng chí đến từ những điểm chung :**

- *Chung một nỗi niềm nhớ về quê hương.*
- *Cùng niềm cảm thông sâu sắc những tâm tư, nỗi lòng của nhau*
- *Cùng chia sẻ những gian lao thiếu thốn, khắc nghiệt nơi chiến trường hiểm nguy*
- *Cùng thương yêu, đoàn kết, truyền cho nhau hơi ấm, sức mạnh vượt qua giao khổ.*

3. Khổ thơ cuối: Vẻ đẹp của tình đồng chí

- *Đêm nay rừng hoang sương muối*

→ Hình ảnh chân thực(tả thực không gian, thời gian)

=> Hoàn cảnh khắc nghiệt của cuộc đời người lính

- *Đầu súng trăng treo*: Hình ảnh người lính hùng tráng, lãng mạn trong tư thế chiến đấu.

=> Câu thơ mang vẻ đẹp vừa hiện thực, vừa lãng mạn

III. Tổng kết: Ghi nhớ

1. Nghệ thuật

- Sử dụng ngôn ngữ bình dị, thấm đượm chất dân gian, thể hiện tình cảm chân thành.
- Sử dụng bút pháp tả thực kết hợp với lãng mạn một cách hài hòa, tạo nên hình ảnh thơ đẹp, mang ý nghĩa biểu tượng.

2. Nội dung: Bài thơ ca ngợi tình cảm đồng chí cao đẹp giữa những người chiến sĩ trong thời kì đầu chiến đấu chống thực dân Pháp gian khổ.

Tiết 40 : NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ

I- TÌM HIỂU YẾU TỐ NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ:

- Xét VD 1.a/137: Nhân vật ông Giáo tự thuyết phục mình.

1. Luận điểm:

- Vợ mình không ác nên ông chỉ buồn chứ không nổi giận.

2. Luận cứ – cách lập luận:

a. Nêu vấn đề: Nếu ta không cố tìm và hiểu những người xung quanh thì ta luôn có cơ để tàn nhẫn và độc ác đối với họ.

b. Phát triển vấn đề: Vợ tôi không ác nhưng sở dĩ tôi trở nên ích kỷ, tàn nhẫn là vì tôi quá khổ. Vì sao?

+ Khi người ta đau chân thì chỉ nghĩ đến cái chân đau (Quy luật tự nhiên).

+ Khi người ta khổ quá thì người ta không nghĩ đến ai (quy luật tự nhiên)

+ Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng, buồn đau ích kỷ che lấp mất (Quy luật tâm lý).

c. Kết thúc vấn đề: Tôi biết vậy nên tôi buồn chứ không giận.

3. Câu chữ mang tính nghị luận:

- Câu có các cặp quan hệ từ hô ứng:

Nếu ... thì ...,

Khi ... thì ...,

Vậy ... nên ...

- Câu khẳng định hoặc phủ định ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng
(Nếu ta không cố ... thì ta chỉ thấy ...
Không bao giờ ta thấy ...
Người ta chẳng còn nghĩ gì ...)

→ Suy nghĩ quan điểm của ông Giáo

→ **Những suy nghĩ, quan điểm của ông Giáo hay bất kỳ 1 người nào được coi là yếu tố nghị luận.**

→ **Tác dụng:** làm nổi bật tính cách nhân vật; đem lại tính triết lý cho nhân vật.

II- GHI NHỚ : SGK/138

III- LUYỆN TẬP :

- **Thực hành Phiếu học tập tuần 8**
- **HƯỚNG DẪN HS TỰ ĐỌC MỞ RỘNG TRÍCH ĐOẠN “KIỀU BẢO ÂN BẢO OÁN”:**
Xem xét VD 1.b/137;138

Đoạn trích như 1 phiên tòa: KIỀU là quan tòa buộc tội, Hoạn thư là bị cáo

→ hình thức nghị luận

1. *Lập luận của Kiều:*

- *Xưa nay, đàn bà có mấy người ghê gớm, cay nghiệt như HT nữa.*
- *Đàn bà càng cay nghiệt càng chuốc lấy oan trái.*
→ *Xác thực phù hợp với quy luật cuộc sống.*

2. *Lập luận của Hoạn Thư*

- *Đàn bà ghen tuông là chuyện thường.*
- *Đã có lúc đối xử tốt khi cô ở gác viết kinh, khi trốn khỏi nhà (kể công)*
- *Chồng chung không ai nhường ai (đúng tâm lý, tình cảm)*
- *Trót gây khổ nhờ lượng khoan dung (nhận tội, đề cao Kiều)*
→ *Hợp lý, hợp tình, chặt chẽ, sắc sảo.*
→ **Tác dụng: Cách lập luận xuất sắc làm nổi bật sự khôn ngoan, sắc sảo của nhân vật Hoạn Thư.**
